

Đơn vị: Trường THPT Nho Quan A  
Chương: 422

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH**  
( 03 tháng năm 2026)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Trường THPT Nho Quan A công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách 03 tháng năm 2026

*ĐV tính: triệu đồng*

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (03 tháng) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí: Không có				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	24.701,490	5.646,788		
I	Nguồn ngân sách trong nước	24.701,490	5.646,788		
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	0	0		
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (gia hạn phần mềm)				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	24.701,490	5.646,788	22,86	
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	17.410	4.399,680		
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	7.291	1.247,108		

Ngày 02 tháng 04 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị

*(Chữ ký, dấu)*



Đoàn Thịnh Khánh Ngọc

Tên đơn vị: Trường THPT Nho Quan A

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**  
**Quý I năm 2026**

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	Nội dung	Dự toán NSNN năm 2026				Kinh phí đã sử dụng		Dự toán còn lại	Ghi chú
		Tổng số	Dự toán giao đầu năm (số đã trừ tiết kiệm)	Kinh phí chuyển nguồn năm 2025 sang năm 2026	Dự toán bổ sung trong năm	Số đã chi trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm		
1	2	3=4+5+6	4	5	6	7	8	9=3-8	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>24.701.490</b>	<b>24.673.000</b>	<b>28.490</b>	<b>-</b>	<b>5.646.788</b>	<b>5.646.788</b>	<b>19.054.702</b>	
1	<b>Kinh phí không thực hiện tự chủ (Kinh phí thường xuyên)</b>	<b>17.410.000</b>	<b>17.410.000</b>	<b>0</b>	<b>-</b>	<b>4.399.680</b>	<b>4.399.680</b>	<b>13.010.320</b>	
2	<b>Kinh phí không thực hiện tự chủ (Kinh phí không thường xuyên)</b>	<b>7.291.490</b>	<b>7.263.000</b>	<b>28.490</b>	<b>-</b>	<b>1.247.108</b>	<b>1.247.108</b>	<b>6.044.382</b>	
2,1	<b>Kinh phí mua sắm</b>	<b>498.000</b>	<b>498.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>13.708</b>	<b>-</b>	<b>498.000</b>	
	Mua sắm thiết bị dạy học	460.000	460.000						
	Thiết bị PCCC và BH	20.000	20.000			13.708		20.000	
	Trang phục dân quân tự vệ	18.000	18.000					18.000	
2,2	<b>Kinh phí xây dựng, sửa chữa</b>	<b>4.000.000</b>	<b>4.000.000</b>	<b>-</b>				<b>4.000.000</b>	
1	Kinh phí cải tạo, nâng cấp, sửa chữa công trình	4.000.000	4.000.000					4.000.000	
2,2	<b>Kinh phí đặc thù</b>	<b>2.765.000</b>	<b>2.765.000</b>	<b>28.490</b>	<b>-</b>	<b>1.233.400</b>	<b>1.233.400</b>	<b>1.531.600</b>	
1	Duy trì phần mềm QLTS	10.000	10.000				-	10.000	
2	KP thực hiện chính sách ưu đãi đối với giáo viên giảng dạy người khuyết tật	444.490	416.000	28.490			-	444.490	
3	Hỗ trợ HS đóng học phí	2.293.000	2.293.000			1.233.400	1.233.400	1.059.600	
4	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập; KP thực hiện chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật	46.000	46.000					46.000	

Người lập biểu



Phạm Thị Thu Hằng

Kế toán



Phạm Thị Thu Hằng

Ngày 02 tháng 4 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị



Đoàn Thịnh Khánh Ngọc